TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án:34/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Minh

2. Ông Nguyễn Trung Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyên L, tỉnh V tham gia phiên toà: Ông Phạm Quang Hảo, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1997, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã V, huyện L, tỉnh V.

2. Bị đơn: anh Tạ Văn T, sinh năm 1995, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã V, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Y trình bày: chị kết hôn với anh Tạ Văn T ngày 17/4/2020. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh T làm dâu và sống chung cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn, anh T còn nghiện ma túy. Hai vợ chồng đã từng nhiều lần cãi

chửi nhau, anh T còn đuổi chị ra khỏi nhà. Ngoài ra, hai vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2021 đến nay. Vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay, hai bên gia đình có hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng chị không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị không đề nghì gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị xác định không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2022 anh trình bày: Anh xác định anh và chị Y kết hôn ngày 17/4/2020. Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chị Y về gia đình anh làm dâu. Trong thời gian vợ chồng chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, rạn nứt. Đến đầu năm 2022, chị Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Y xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung, vợ chồng không có con chung nên anh không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh xin xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, cho chị Y được ly hôn anh T. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Y có yêu cầu xin ly hôn anh Tạ Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Ph, xã V, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Y đều có mặt, anh T xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Y và anh T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh V. Theo chị Y, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên chơi bời không chịu làm ăn, anh T bị nghiện ma túy nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, ngoài ra vợ chồng còn không có con chung. Anh T cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau. Xét đề nghị của chị Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vợ chồng ly thân một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay chị Y xin ly hôn, anh T cũng đồng ý. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị Y là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]Về con chung: chị Y, anh T xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị Y, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Y. Cho chị Lê Thị Y được ly hôn anh Tạ Văn T.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Y phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006179 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Y đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Ngô Thị Minh Hiệp